

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: 20/2022/CBSP-NUTRI

SỐ TNĐKSP: 19/2022/ĐKSP

HanieKid Gold

Năm 2022

UBND TỈNH BẮC NINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 5 năm 2022

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 19/2022/ĐKSP

Ban Quản lý An toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **HanieKid Gold**

do Nhà máy CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh sản xuất phù hợp với:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./. *sn*

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 20/2022/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ trụ sở: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Địa chỉ VPGD: Số 1 LK2 KĐT Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: HanieKid Gold

2. Thành phần: Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Đạm đậu nành, Đạm whey thủy phân, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit), Sữa non, Cholin, DHA từ dầu cá, Taurin, MCT (Chất béo mạch trung bình), Tinh chất dầu Oliu, Canxi nano (0.05%), Lutein, Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. KLT: 20 g, 25 g, 40 g, 47 g, 50 g, 200 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh



THỰC PHẨM BỔ SUNG DINH DƯỠNG DÀNH CHO TRẺ BIẾNG ĂN VÀ SUY DINH DƯỠNG

HỖ TRỢ TĂNG CÁN, GIÚP TĂNG CHIỀU CAO

Bổ sung **Đạm whey thủy phân**, cùng chất béo **MCT** để hấp thu, đặc biệt và **Canxi nano** để hấp thu hơn so với canxi thông thường, kết hợp với **Vitamin D3** và **Phốt pho** hỗ trợ phát triển hệ xương.



GIÚP PHÁT TRIỂN NÃO BỘ & THỊ GIÁC

Công thức mới tăng cường **DHA, Choline** hỗ trợ phát triển não bộ, giúp trẻ tăng khả năng ghi nhớ, cùng **Lutein** hỗ trợ phát triển thị giác, **Taurine** bảo vệ võng mạc mắt.

GIÚP TĂNG HẤP THU, KÍCH THÍCH NGON MIỆNG

Chất xơ **FOS/Inulin** nguồn gốc tự nhiên giúp trẻ tiêu hóa tốt, gia tăng lợi khuẩn, kết hợp với **Kẽm** và **Lysine** giúp trẻ ăn ngon miệng, hỗ trợ quá trình chuyển hóa, trao đổi chất trong cơ thể.

TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Bổ sung **sữa non Colostrum** từ Mỹ, chứa hàm lượng cao kháng thể **IgG** cùng với hệ **Antioxidant (Vitamin A, C, E, Selen)** giúp tăng cường hệ miễn dịch của trẻ.

CÔNG DỤNG

• **HanieKid Gold** thay thế bữa ăn phụ, bổ sung cho chế độ ăn thiếu đạm và vi chất dinh dưỡng.

FEATURES

• **HanieKid Gold** replace snacks, supplement to the diet that lacks protein and micronutrients.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

- Trẻ từ 1 - 10 tuổi.
- Trẻ biếng ăn, trẻ suy dinh dưỡng, gầy yếu.
- Trẻ trong giai đoạn phục hồi sau ốm.
- Trẻ cần bổ sung năng lượng.

USED FOR

- For children from 1 – 10 years old.
- Children with anorexia, malnutrition, and low weight.
- Children who are in the recovery period after illness.
- Children who need more energy.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.



Khối lượng tịnh
400 g
Distributed by
NUTRICARE PHARMA



Sữa non từ Mỹ
Bột sữa từ New Zealand, Châu Âu

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG
Dành cho trẻ từ 1 – 10 tuổi

Dành cho trẻ biếng ăn và suy dinh dưỡng

- Canxi nano, Vitamin D3
- DHA, Lutein
- Sữa non Colostrum



Hanie Kid Gold



THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần	Đơn vị	Trong 100 g bột	Trong 200 ml pha chế
Năng lượng/Energy	kcal	493	197
Đạm/Protein	g	17.4	6.96
Lysin/Lysine	mg	1321	528
Isoleucine/Isoleucine	mg	1520	608
Isoleucine/Isoleucine	mg	831	332
Valin/Valine	mg	1058	423
Arginin/Arginine	mg	598	239
Histidin/Histidine	mg	463	185
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	679	272
Threonin/Threonine	mg	706	282
Methionin/Methionine	mg	371	148
Asit glutamic (bao gồm Glutamine)/Glutamic acid (including Glutamine)	mg	3561	1424
Chất béo/Fat	g	23.6	9.44
LA (Linoleic acid)	mg	889	356
ALA (Alpha-linolenic acid)	mg	270	108
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	50.0	20.0
MCT (Medium-chain triglycerides)	mg	32.6	13.0
Carbohydrate (tổng)/Total carbohydrate	g	55.0	22.0
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	3.50	1.40
Prebiotic (FOS/Inulin)			
Sữa non Colostrum	mg	500	200
IgG	mg	100	40.0
Lutein	µg	200	80.0
Taurine/Taurine	mg	36.6	14.6
Choline/Choline	mg	100	40.0
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1810	724
Vitamin D3	IU	464	186
Vitamin E	IU	9.24	3.70
Vitamin K1	µg	20.1	8.02
Vitamin C	mg	92.3	36.9
Vitamin B1	µg	95.1	38.0
Vitamin B2	µg	1278	511
Niacin	µg	9029	3612
Asit pantothenic/Pantothenic acid	µg	3547	1419
Vitamin B6	µg	96.1	384
Asit folic/Folic acid	µg	149	59.7
Vitamin B12	µg	1.92	0.77
Biotin	µg	14.7	5.88
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	281	112
Kali/Potassium	mg	595	238
Canxi/Calcium	mg	634	253
Phốt pho/Phosphorus	mg	641	256
Magiê/Magnesium	mg	68.3	27.3
Silic/Silicon	mg	10.1	4.03
Kẽm/Zinc	mg	7.50	3.00
Mangan/Manganese	µg	661	265
Copper/Copper	µg	202	80.9
I-đồng/Iodine	µg	200	80.0
Selen/Selenium	µg	21.3	8.53
Crom/Chromium	µg	9.33	3.73
Molypden/Molybdenum	µg	8.68	3.47

Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÀNH PHẦN

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Đạm đậu nành, Đạm whey thủy phân, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Nicotinamid, Canvi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit), Sữa non, Cholin, DHA từ dầu cá, Taurin, MCT (Chất béo mạch trung bình), Tinh chất dầu Oliu, Canxi nano (0.05%), Lutein, Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm. Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA

1. Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
 2. Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút.
 3. Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nguội (45 - 50°C) trước khi pha.
 4. Cho 170 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 40 g (tương đương 4 muỗng) **HanieKid Gold** vào.
 5. Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng.
- Hồn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tuổi của trẻ	Chuẩn bị cho 1 lần ăn		
	Lượng nước ấm (ml)	Số muỗng	Số lần ăn trong ngày
Từ 1 - 10 tuổi	170	4	2 lần ^(*)

- Mỗi muỗng tương ứng với 10 g **HanieKid Gold**.
- ^(*) Hoặc theo chỉ dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng

BẢO QUẢN

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: **CÔNG CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại: 024.66.833.368

Sản xuất tại: Nhà máy **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam.

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,

Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

NSX và HSD: Xem trên bao bì. **Số TNDKSP:**

CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 20/2022/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, liên kề 2, KĐT Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: HanieKid Gold

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Đạm đậu nành, Đạm whey thủy phân, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit), Sữa non, Cholin, DHA từ dầu cá, Taurin, MCT (Chất béo mạch trung bình), Tinh chất dầu Oliu, Canxi nano (0.05%), Lutein, Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Thành phần	Đơn vị	Trong 100 g bột chứa tối thiểu
Năng lượng/Energy	kcal	394
Đạm/Protein	g	13.9
Lysin/Lysine	mg	1057
Leucin/Leucine	mg	1216
Isoleucin/Isoleucine	mg	665
Valin/Valine	mg	846
Arginin/Arginine	mg	478
Histidin/Histidine	mg	370
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	543
Threonin/Threonine	mg	565
Methionin/Methionine	mg	297
Axit glutamic (bao gồm Glutamin) Glutamic acid (including Glutamine)	mg	2849
Chất béo/Fat	g	18.9
LA (Linoleic acid)	mg	711
ALA (Alpha-linolenic acid)	mg	216
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	40.0
MCT (Medium-chain triglycerides)	mg	26.1
Carbohydrate tổng/Total carbohydrate	g	44.0
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) Prebiotics (FOS/Inulin)	g	2.80
Sữa non/Colostrum	mg	400
IgG	mg	80.0
Lutein	µg	160
Taurin/Taurine	mg	29.3
Cholin/Choline	mg	80.0
Vitamin/Vitamins		
Vitamin A	IU	1448
Vitamin D3	IU	371
Vitamin E	IU	7.39
Vitamin K1	µg	16.1
Vitamin C	mg	73.8
Vitamin B1	µg	761
Vitamin B2	µg	1022
Niacin	µg	7223
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	2838
Vitamin B6	µg	769
Axit folic/Folic acid	µg	119
Vitamin B12	µg	1.54
Biotin	µg	11.8

Khoáng chất/Minerals		
Natri/ <i>Sodium</i>	mg	225
Kali/ <i>Potassium</i>	mg	476
Canxi/ <i>Calcium</i>	mg	507
Phốt pho/ <i>Phosphorus</i>	mg	513
Magiê/ <i>Magnesium</i>	mg	54.6
Sắt/ <i>Iron</i>	mg	8.08
Kẽm/ <i>Zinc</i>	mg	6.00
Mangan/ <i>Manganese</i>	µg	529
Đồng/ <i>Copper</i>	µg	162
I-ốt/ <i>Iodine</i>	µg	160
Selen/ <i>Selenium</i>	µg	17.0
Crôm/ <i>Chromium</i>	µg	7.46
Molypden/ <i>Molybdenum</i>	µg	6.94

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi và các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10g	KPH
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l	0.02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Asen	mg/kg	0.5

5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250
---	--	-------	-----

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Thuộc nhóm Thực phẩm dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0.5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Hàm lượng Melamin: (Tuân theo Quyết định số 38/2008/QĐ – BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Melamine	mg/kg	1

5.5. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Lượng khuyến nghị

Tuổi của trẻ	Chuẩn bị cho 1 lần ăn		Số lần ăn trong ngày
	Lượng nước ấm (ml)	Số muỗng	
Từ 1 – 10 tuổi	170	4	2 lần*

1 muỗng tương đương 10 g **HanieKid Gold**.

* Hoặc theo chỉ dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng.

7. Hướng dẫn cách pha

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha.
- 4) Cho 170 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 40 g (tương đương 4 muỗng) **HanieKid Gold** vào.

5) Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng.
Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

8. Đối tượng sử dụng: Trẻ từ 1 - 10 tuổi

9. Công dụng: HanieKid Gold thay thế bữa ăn phụ, bổ sung cho chế độ ăn thiếu đạm và vi chất dinh dưỡng.

10. Hướng dẫn bảo quản: Đóng kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. KLT: 20 g, 25 g, 40 g, 47 g, 50 g, 200 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: Nhà máy Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

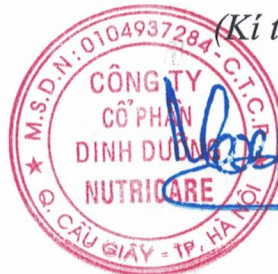
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP,
Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001:2015.

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN *MP*

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

